

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH BỔ TRỢ CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH
CHÍNH KHOÁ CỦA TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ QUỐC TẾ ECOLINK
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM DUYỆT**

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH BỔ TRỢ MÔN TIẾNG ANH LỚP 5
THEO BỘ SÁCH TIẾNG ANH 5 – GLOBAL SUCCESS
(01 TIẾT/ TUẦN)**

1. Mục tiêu chung

Chương trình bổ trợ môn Tiếng Anh lớp 5 – Global Success giúp học sinh:

- Củng cố và mở rộng kiến thức đã học trong chương trình chính khóa.
- Giao tiếp đơn giản bằng Tiếng Anh thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; trong đó nhấn mạnh hai kỹ năng nghe và nói.
- Có kiến thức cơ bản và tối thiểu về tiếng Anh bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; thông qua Tiếng Anh có những hiểu biết ban đầu về đất nước, con người và nền văn hoá của các quốc gia nói Tiếng Anh và của các quốc gia khác trên thế giới.
- Có thái độ tích cực đối với việc học Tiếng Anh; biết tự hào, yêu quý và trân trọng nền văn hoá và ngôn ngữ của dân tộc mình.
- Hình thành cách học Tiếng Anh hiệu quả, tạo cơ sở cho việc học các ngoại ngữ khác trong tương lai.

2. Mục tiêu cụ thể

Hoàn thành Chương trình này, học sinh có thể:

a) Về kiến thức ngôn ngữ:

- Nắm vững nền tảng kiến thức tiếng Anh cơ bản.
- Sử dụng vốn từ vựng đã được củng cố và mở rộng theo các chủ điểm trong sách giáo khoa để xây dựng thành các câu đầy đủ. Cụ thể:
 - + Từ vựng: Các từ liên quan đến chủ điểm, chủ đề xung quanh chúng ta như: trường học, bạn bè, các chuyến du lịch, thời tiết, sức khỏe, nghề nghiệp,...
 - + Ngữ pháp: thì hiện tại đơn (củng cố và mở rộng), thì hiện tại tiếp diễn (củng cố và mở rộng), thì quá khứ đơn câu đơn, câu hỏi có từ để hỏi, câu hỏi nghi vấn...

b) Về kỹ năng nghe:

- Nghe hiểu và làm theo những chỉ dẫn đơn giản trong lớp học.
- Nghe hiểu và làm theo những chỉ dẫn đơn giản được truyền đạt chậm và rõ ràng.
- Nghe và trả lời các câu hỏi rất đơn giản về các chủ đề quen thuộc.
- Nghe hiểu các đoạn hội thoại ngắn, rất đơn giản khoảng 35 - 40 từ về các chủ đề quen thuộc.

c) Về kỹ năng nói:

- Nói các cụm từ và các câu đơn giản.
- Nói các chỉ dẫn và đề nghị ngắn gọn, đơn giản.
- Hỏi và trả lời các câu hỏi đơn giản về chủ đề trong nội dung Chương trình.
- Nói về một số chủ đề quen thuộc, sử dụng các từ và cụm từ đơn giản (có sự trợ giúp).

3. Nội dung chương trình chi tiết:

HK1: 18 tuần - 01 tiết / 01 tuần = 18 tiết.

HK2: 17 tuần - 01 tiết / 01 tuần = 17 tiết.

Tổng: 35 tiết

- Phần không in nghiêng (Review): Kiến thức ôn luyện
- Phần in nghiêng (Expand): Kiến thức mới

Unit	Tiết	Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
1. All about me!	1	Speaking: Ask and answer about someone's favorite things	Vocabulary: tennis, dolphin, pink, <i>basketball</i> , <i>swimming</i> , green, purple, pasta, <i>noodles</i> , Structure: - <i>What sport (animal /color/ food) do you like?</i> - <i>I like <u>tennis</u>. (dolphin /green/ noodles).</i>

Unit	Tiết	Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
2. Our homes	2	Speaking: Ask and answer about where someone lives	Vocabulary: building, house, flat, tower, <i>villa</i> , <i>cottage</i> , <i>apartment</i> Structure: - <i>Where does he /she live?</i> - <i>He/She lives in a <u>villa</u>.</i>
3. My foreign friends	3	Speaking: Ask and answer about someone's nationality	Vocabulary: American, Australian, Japanese, <i>Canadian</i> , <i>Brazilian</i> , <i>French</i> , <i>Singaporean</i> Structure: - <i>What's his / her nationality?</i> - <i>He's / She's <u>Canadian</u>.</i>
4. Our free time activities	4	Speaking: Ask and answer about what someone does in their free time	Vocabulary: usually, sometimes, go for a walk, <i>watch TV</i> , <i>listen to music</i> , <i>hang out with friends</i> , <i>go to the movies</i> Structure: - <i>What do you do in your free time?</i> - <i>I often <u>listen to music</u>.</i>
5. My future job	5	Speaking: Ask and answer about what someone wants to be in the future	Vocabulary: teacher, writer, doctor, <i>engineer</i> , <i>police officer</i> , <i>chef</i> , <i>singer</i> Structure: - <i>What do you want to be when you grow up?</i> - <i>I want to be a <u>singer</u>.</i>

Unit	Tiết	Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
	6	<p>Speaking: Ask for and give reasons why someone wants to be something in the future</p>	<p>Vocabulary: teacher, writer, doctor, <i>chef, singer</i> teaching children, writing stories, <i>taking care of sick people, cooking, singing</i></p> <p>Structure: - <i>Why do you want to be a <u>teacherr</u>?</i> - <i>Because I like <u>singing</u>.</i></p>
6. Our school rooms	7	<p>Speaking: Ask and answer questions about the location of a room in a school</p>	<p>Vocabulary: ground floor, first floor, second floor, <i>third floor, library, gym</i> <i>science lab, English room. medical room</i></p> <p>Structure: - <i>Where is the <u>library</u>?</i> - <i>It's on the <u>second floor</u>.</i></p>
	8	<p>Speaking: Ask and answer about the location of items in the classroom</p>	<p>Vocabulary: above, on, under, <i>next to, behind, between, in front of</i> board, map, <i>globe, flower vase</i></p> <p>Structure: - <i>Where is the <u>map</u>?</i> <i>It's <u>on</u> the wall</i></p>

Unit	Tiết	Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
7. Our favorite school activities	9	Speaking: Ask and answer questions about someone's favorite school activities.	Vocabulary: do projects, read books, solve maths problems, <i>make things, paint, do arts and crafts</i> Structure: - <i>What is your favorite school activity?</i> - <i>My favorite school activity is <u>reading books</u>.</i>
	10	Speaking: Ask and answer about the frequency of an activity at school.	Vocabulary: always, sometimes, never, <i>usually, rarely, weekly, daily, once/twice a week, every Monday</i> Structure: - <i>How often do you <u>do projects</u>?</i> - <i>I <u>do projects</u> <u>weekly</u>.</i>
8. In our classroom	11	Speaking: Ask and answer about possession	Vocabulary: glue stick, set spare, crayon, <i>compass, calculator, backpack, globe</i> Structure: - <i>What does this <u>pencil</u> belong to?</i> - <i>It belongs to <u>Nam</u>.</i>
	12	Speaking: Ask and answer about school things	Vocabulary: pencil sharpener, eraser, pencil case, <i>highlighter, scissors, paintbrush, marker</i> Structure:

Unit	Tiết	Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
			<p>- <i>What do you have in your schoolbag?</i></p> <p><i>I have (a/an) <u>pencil sharpener</u>.</i></p>
9. Our Outdoor activities	13	<p>Speaking: Ask and answer about activities someone did in the past</p>	<p>Vocabulary:</p> <p>listen to music, play chess, <i>watch the birds, go fishing, go jogging, ride a bike, go for a walk</i></p> <p>Structure:</p> <p>- <i>What did you do yesterday?</i></p> <p>- <i>I <u>listened to music</u>.</i></p>
	14	<p>Speaking: Ask and answer questions about activities someone did in the past.</p>	<p>Vocabulary:</p> <p>dance around the campfire, play the guitar, plant trees, <i>have a party, play soccer, play basketball, watch a football match</i></p> <p>Structure:</p> <p>- <i>What did he/she/they do last weekend?</i></p> <p>- <i>He/She/ They <u>planted trees</u></i></p>
10. Our School Trip	15	<p>Speaking: Ask and answer about a school trip in the past.</p>	<p>Vocabulary:</p> <p>lake, zoo, pagoda, <i>amusement park, musem, bus, train, coach</i></p> <p>Structure:</p> <p>- <i>Where did you go on your school trip?</i></p> <p><i>We went to the <u>zoo</u>.</i></p> <p>- <i>How did you get to there?</i></p> <p><i>We went by <u>bus</u>.</i></p>

Unit	Tiết	Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
	16	<p>Speaking: Ask and answer about activities someone did on the school trip.</p>	<p>Vocabulary: visit old buildings, walk around the lake, <i>go sightseeing, take photos. explore nature, go hiking</i></p> <p>Structure: - <i>What did you do on your last school trip?</i> - <i>We <u>visited old buildings.</u></i></p>
	17	<p>Review (Units 1-10) Ask and answer questions, using picture cues.</p>	Reinforce contents from session 1 to 16
	18	The first – term test	
11. Family time	19	<p>Speaking: Ask and answer about activities someone did in the past</p>	<p>Vocabulary: walk on the beach, eat seafood, <i>playing board games, watch movies, cook together, do puzzles.</i></p> <p>Structure: - <i>What did your family do last weekend?</i> - <i>We <u>walked on the beach.</u></i></p>

Unit	Tiết	Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
12. Our Tet holiday	20	<p>Speaking: Ask and answer about activities someone will do for Tet holiday</p>	<p>Vocabulary: do the shopping, decorate the house, <i>put up colored paper, write New Year's cards, get lucky money, clean and decorate the house, go to the flower market</i></p> <p>Structure: - <i>What will your family do at Tet?</i> - <i>We will <u>decorate the house.</u></i></p>
13. Our special days	21	<p>Speaking: Ask and answer about what someone will do on special days</p>	<p>Vocabulary: Mid-Autumn Festival, Children's Day, Lunar New Year, Teachers' Day, <i>Sports Day, watch the Lion Dance, have a party, watch firework show, give flowers to teachers, play sports</i></p> <p>Structure: - <i>What will you do <u>at Mid-Autumn Festival?</u></i> - <i>We'll <u>watch the Lion Dance.</u></i></p>
14. Staying healthy	22	<p>Speaking: Ask and answer about what someone often does to stay healthy</p>	<p>Vocabulary: play sports, drink enough water, <i>eat healthy food, do exercise regularly, eat healthy food, get enough sleep</i></p> <p>Structure: - <i>What do you often do to stay healthy?</i> - <i>I often <u>do morning exercise.</u></i></p>

Unit	Tiết	Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
15. Our health	23	<p>Speaking: Ask and answer about common health problems.</p>	<p>Vocabulary: fever, backache, broken leg, <i>sore throat, sore eye, fever, burn, runny nose, cut</i></p> <p>Structure: - <i>What's wrong with you/ him/ her?</i> <i>I have a <u>fever</u>.</i> <i>He/She has a <u>backache</u>.</i></p>
	24	<p>Speaking: Ask for give health advice.</p>	<p>Vocabulary: cough, backache, toothache, stomachache, <i>take some medicine, carry heavy things, go to the dentist, see a doctor</i></p> <p>Structure: - <i>I have a <u>cough</u>. What should I do?</i> <i>You should <u>take some medicine</u>.</i> - <i>I have a <u>backache</u>. What shouldn't I do?</i> <i>You shouldn't <u>carry heavy things</u>.</i></p>
	25	<p>Review (Units 11-15) Ask and answer questions, using picture cues.</p>	<p>Reinforce contents from session 19 to 25</p>

Unit	Tiết	Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
16. Seasons and weather	26	Speaking: Ask and answer about the weather.	Vocabulary: sunny, warm, cloudy, windy, <i>stormy</i> , <i>foggy</i> , <i>snowy</i> , <i>cold</i> , <i>freezing</i> Structure: <i>What's the weather like today?</i> <i>It's <u>sunny and warm</u> today.</i>
	27	Speaking: Ask and answer about what someone wears in different seasons	Vocabulary: jacket, jeans, raincoat, <i>sunglasses</i> , <i>scarf</i> , <i>boots</i> , <i>gloves</i> Structure: - <i>What kind of clothes do often you wear in <u>winter</u>?</i> - <i>In <u>winter</u>, I often wear a <u>jacket</u>, <u>jeans</u>, and a <u>scarf</u>.</i>
17. Stories for children	28	Speaking: Ask and answer questions about the main characters in the story	Vocabulary: kind, friendly, intelligent, <i>lazy</i> , <i>brave</i> , <i>helpful</i> , <i>hard - working</i> , Structure: - <i>What is the <u>main character</u> of the story like?</i> - <i>He / she is <u>brave and kind</u>.</i>
	29	Speaking: Ask and answer about moral lessons someone learns from reading stories	Vocabulary: sharing is caring , never give up, <i>be yourself</i> , <i>respect others</i> , <i>hard work pays off</i> , <i>value friendship</i> . Structure: - <i>What lesson do you learn from this story?</i>

Unit	Tiết	Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
			<i>I learn that <u>sharing is caring</u>.</i>
18. Means for transport	30	Speaking: Ask and answer questions about transportation.	<p>Vocabulary: Hoan Kiem Lake, Dam sen Water Park, <i>Thien Truong Stadium, Sam Son Beach,</i> bicycle, bus, foot, <i>airplane, boat, ship, taxi, car, train</i></p> <p>Structure: - <i>How do you usually get to <u>school</u>?</i> - <i>I usually get to <u>school</u> by <u>bus</u>.</i></p>
19. Places of interest	31	Speaking: Ask and answer questions about places you would like to visit in future and why.	<p>Vocabulary: Nha Trang Vinpearl, Sydney Operal House, Hoi An Old Town, <i>Cuc Phuong National Park, Ha Long Bay, France, Brazil, Singapore</i></p> <p>Structure: - <i>Where would you like to visit in the futures?</i> - <i>I would like to visit <u>Brazil</u>.</i></p>
	32	Speaking: Ask and answer about someone's opinion of a place	<p>Vocabulary: hotel, aquarium, amusement park, stadium, <i>night market, art gallery, crowded, exciting, ancient, attractive</i></p> <p>Structure: - <i>What is your opinion about the <u>night market</u>?</i> - <i>I think it's very <u>crowded</u>.</i></p>

Unit	Tiết	Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
20. Our summer holidays	33	Speaking: Ask and answer about what someone did when they were on holiday.	Vocabulary: go for a walk, go swimming, <i>go surfing</i> , <i>go skiing</i> , <i>go sightseeing</i> , <i>go for a walk</i> . Structure: - <i>What did you do when you were on holiday?</i> - <i>I went <u>sightseeing</u>.</i>
	34	Review (Units 11 – 20) Ask and answer questions, using picture cues.	Reinforce contents from session 20 to 33
	35	The second – term test	